

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02-BT/LVN/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: 0274-3827470

Fax: 0274-3827471

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 3700232139

Nhà máy Lotte Việt Nam đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000.

Số giấy chứng nhận: VN 18/00013. Ngày cấp: 03/03/2018.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BÁNH QUE TOPPO NHÂN SOCOLA HƯƠNG VANI

2. Thành phần:

Hỗn hợp socola sữa (52%) [(dầu hạt cọ Fully Hydrogenated, dầu hạt cọ, dầu cọ Fully Hydrogenated), đường, sữa bột nguyên kem, bột ca cao, ca cao mass, chất nhũ hóa (INS 322), hương vani tổng hợp], bột mì, bột mì tinh, shortening (dầu cọ, dầu đậu nành, chất nhũ hóa (INS322ii), chất chống oxy hóa (INS307b)), đường, đường nghịch đảo, bột ca cao, chiết xuất mạch nha, muối, chất tạo xốp (INS 500(ii)), hương vani tổng hợp, hương giống tự nhiên (vani, ca cao), chất nhũ hóa (INS 476), phẩm màu tổng hợp (INS 110).

**Thông tin lưu ý: sản phẩm có chứa ngũ cốc có gluten, sữa và đậu nành. Có thể chứa các loại hạt, trứng, động vật giáp xác và thủy sản.*

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

15 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng: xem MFD và EXP trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói:

Loại hộp 40g:

Sản phẩm được đóng trong bao bì nhựa nhiều lớp (PET12 μ /DL/VMCPP 25 μ) bên ngoài là hộp giấy.

Khối lượng tịnh: 40 g



Loại túi 132g:

Sản phẩm được đóng trong bao bì nhựa nhiều lớp (PET12 μ /DL/VMCPP 25 μ) bên ngoài là túi nhựa.

Khối lượng tịnh: 132 g (11g x 12 gói)

4.2. Chất liệu bao bì:

Bao bì nhựa nhiều lớp (PET12 μ /DL/VMCPP 25 μ) chuyên dùng cho thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Xuất xứ: Thái Lan
- Nhà sản xuất: Thai Lotte Co., Ltd
- Địa chỉ: 700/830 Moo6, Tambol Nongtamlung, Huyện Amphur Panthong, Tỉnh Chonburi 20160, Thái Lan
- Nhà máy Thai Lotte đã được chứng nhận Hệ thống An toàn Thực phẩm FSSC 22000.
Số giấy chứng nhận: TH14/7582. Ngày cấp: 28/11/2016

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem mẫu nhãn sản phẩm đính kèm.)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Bình Dương, ngày 21 tháng 05 năm 2019

TM. CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM



Tổng Giám Đốc
AKIHIRO YAMADA

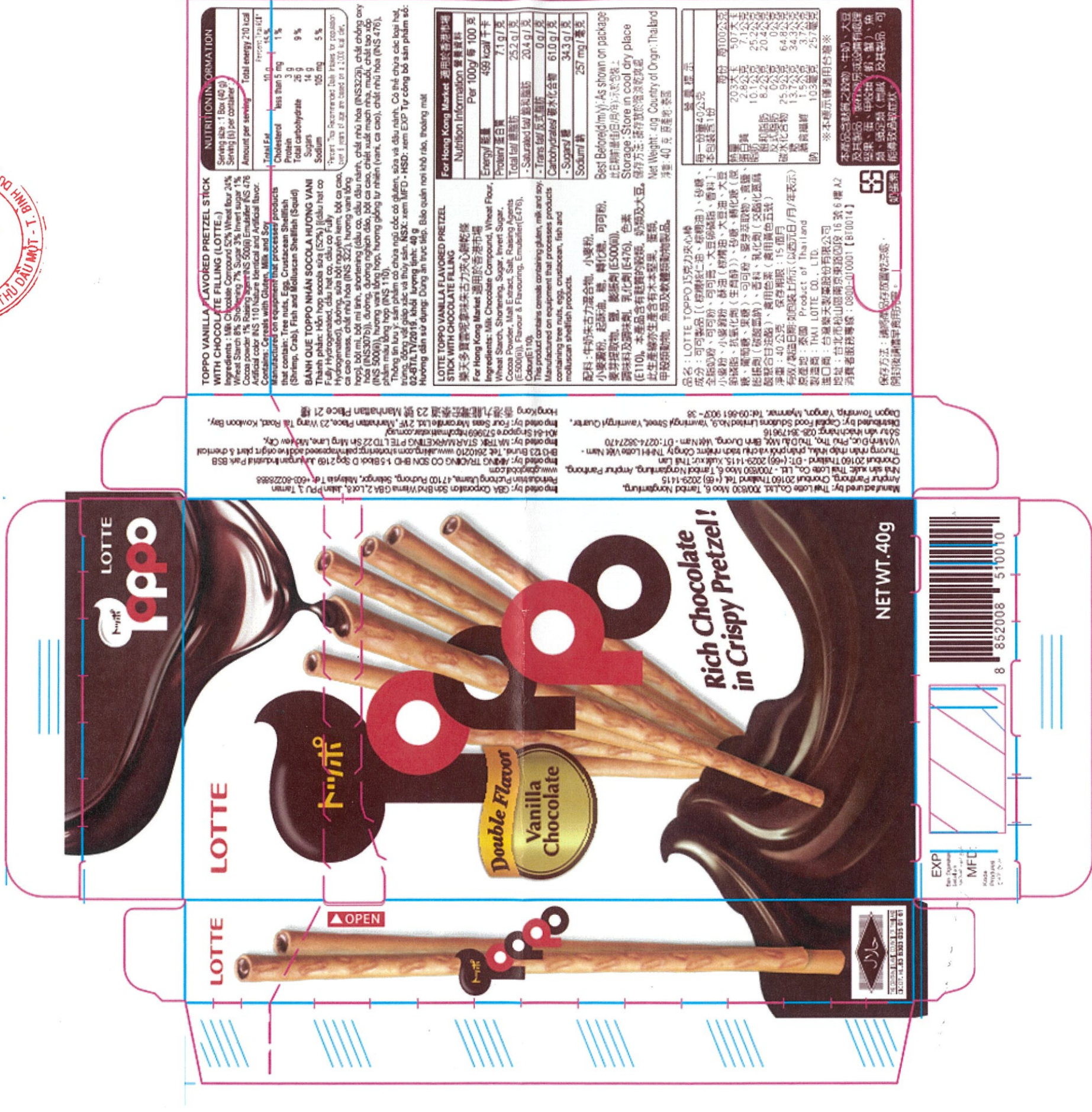
LOTTE

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	BÁNH QUE TOPPO NHÂN SOCOLA	
Hương	HƯƠNG VANI	
Loại bao bì	Hộp giấy	
Khối lượng tịnh	40 g	



Phê duyệt TGD	Phê duyệt GDNM	Kiểm tra nội dung Phòng QC
Akihiro Yamada	Nguyễn Thị Thanh	Hồ Thị Kim Ngân

LOTTE

CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phú Thọ, Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: 0274 3827470 Fax: 0274 3827471

Sản phẩm	BÁNH QUE TOPPO NHÂN SOCOLA
Hương	HƯƠNG VANI
Loại bao bì	TÚI
Khối lượng tịnh	132 g (11g x 12 gói)

LOTTE

TOPPO VANILLA FLAVORED PRETZEL STICK

WITH CHOCOLATE FILLING (LOTTE®)

Ingredients: Milk Chocolate Compound 52%, Wheat flour 24%, Wheat Starch 8%, Shortening 7%, Sugar 3%, Invert sugar 1%, Cocoa powder 1%.

Manufactured by: Lotte Confectionery Co., Ltd. (NS 110) No. 110 Nongstang Road, Chonburi 20160 Thailand.

Contains: Cereals with Gluten, Milk and Soy.

Manufactured on equipment that processes products that contain: Tree nuts, Egg, Crustacean Shellfish (Shrimp, Crab), Fish and Molluscan Shellfish (Squid).

NUTRITION INFORMATION	
Serving size : 1 bag (11 g)	Total energy 60 Kcal
Serving (s) per container : 12	Percent Daily RDI*
Total Fat 3 g	5%
Protein less than 1 g	2%
Total carbohydrate 7 g	
Sugars 4 g	
Sodium 30 mg	2%

*Percent Daily Recommended Daily intakes for population over 6 years of age are based on a 2000 kcal diet.

**Rich Chocolate
in Crispy Pretzel!**

BÁNH QUÊ TOPPO NHÂN SÔCÔLA HƯƠNG VANI

Hương vị: Nhân sôcôla và hương vani (dầu hạt cao Filling nhân sôcôla và hương vani).

Thành phần: Hỗn hợp bột mì, đường, bơ thực vật, bột cacao, sữa bột nguyên kem, bột cao, cao mass, chất nhũ hóa (INS 322), hương vani tổng hợp, bột mì tinh, shortening (dầu cô, dầu đậu nành, chất nhũ hóa (INS322)), chất chống oxy hóa (INS307b), đường, đường nghịch đảo, bột cao, chất xuất mạch nha, muối, chất tạo xốp (INS 500(ii)), hương vani tổng hợp, hương giống tự nhiên (vani, cao), chất nhũ hóa (INS 476), phẩm màu tổng hợp (INS 110), chất bảo quản (E202).

Dụng cụ chế biến: Có thể chứa các loại hạt, trứng, động vật giáp xác và thủy sản.

Khối lượng tịnh: 132 g (11 g x 12 gói)

NSX: xem MFD - HSD: xem EXP

Hướng dẫn sử dụng: Dùng ăn trực tiếp.

Bảo quản: nơi khô ráo, thoáng mát.

Thương hiệu nhập khẩu: PHẢI PHỐI VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM VÀ SẢN PHẨM: Công ty TNHH Lotte Việt Nam.

Địa chỉ: Đường Võ Minh Đức, Phường Phú Thọ, TP. Thủ Đức, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam - Số 1: 0274-3824770 - Số 2: 0274-3824770 Fax: 0274-3824770 Email: 028-38479616

Nhà sản xuất: Thai Lotte Co., Ltd. - 700/830 Moo 6, Tambon Nongstangmung, Amphur Panthong, Chonburi 20160 Nongstangmung - ĐT: (+66) 2029-1415. Xuất xứ: Thái Lan.

Tự công bố sản phẩm số: 02-BTL-TV/2019.

Distributed by: Capital Food Solutions Limited, No.3, Yawmingyi Street, Yawmingyi Quarter, Dagon Township, Yangon, Myanmar.

IMPORTED BY: GBA Corporation Sdn Bhd, Wisma GBA 2, Lot 8, Jalan PPU 3, Taman Perindustrian Puchong Utama, 47100 Puchong, Selangor, Malaysia Tel: +603-90228888 www.gbaglobal.com /

IMPORTED BY: AIKING TRADING CO SDN BHD 1-5 Block D Sg 2169 Junjung Industrial Park BSB 8H-123 Brunei Darussalam Tel: 2640210 www.aiking.com

additive origin: plant & chemical

IMPORTED BY: MATRIX STAR MARKETING PTE LTD 22 Sin Ming Lane, Midview City, #04-84 Singapore 573969 http://matrixstar.com.sg/

Imported by: Four Seas Mercantile Ltd, 21/F, Manhattan Place, 23 Wang Tai Road, Hong Kong Tel: 2722 2222

香港九龍彌敦道 23 號 Manhattan Place 21 樓

Phê duyệt TGD  Akihiro Yamada	Phê duyệt GĐNM  Nguyễn Thị Thanh	Kiểm tra nội dung Phòng QC  Hồ Thị Kim Ngân
--	--	--

KT3-07282ATP9/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/08/2019
Page 01/03

1. Tên mẫu
Name of sample : **BÁNH QUE TOPPO NHÂN SOCOLA HƯƠNG VANI**
(**TOPPO VANILLA FLAVORED PRETZEL STICK WITH CHOCOLATE FILLING**)
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 25/07/2019
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 26/07/2019 – 02/08/2019
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH LOTTE VIỆT NAM**
Đường Võ Minh Đức, P. Phú Thọ, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02&03/03*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.qlatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@qlatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@qlatest3.com.vn



7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Độ ẩm, Moisture content	g/100 g QTTN/KT3 136 : 2016 (Ref: FAO FNP 14/7 (p.205)-1986)	-	1,22
7.2. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	mg/kg QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng chì, Lead content	mg/kg QTTN/KT3 098 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (999.11))	$3,00 \times 10^{-2}$	Nhỏ hơn $9,00 \times 10^{-2}$ Less than
7.4. Hàm lượng asen tổng số, Total arsenic content	mg/kg TCVN 8427 : 2010	$1,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng aflatoxin tổng (B1 + B2 + G1 + G2), Total aflatoxin content	µg/kg AOAC 2016 (991.31)	0,10	Không phát hiện Not detected
7.6. Hàm lượng aflatoxin B1, Aflatoxin B1 content	µg/kg AOAC 2016 (991.31)	0,25	Không phát hiện Not detected
7.7. Hàm lượng melamin, Melamine content	µg/kg QTTN/KT3 051: 2018 (Ref: TCVN 9048 : 2012)	100	Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng thủy ngân, Mercury content	mg/kg QTTN/KT3 064 : 2016 (Ref: AOAC 2016 (971.21))	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), Deoxynivalenol content	µg/kg QTTN/KT3 089 : 2018 (LC/MS/MS)	20	Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng zearalenone, Zearalenone content	µg/kg QTTN/KT3 224 : 2018 (Ref: TCVN 9591 : 2013)	15	Không phát hiện Not detected
7.11. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, Total aerobic plate count	CFU/g ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$ Less than
7.12. Coliform, Coliform	CFU/g ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn $10^{(*)}$ Less than
7.13. E.Coli, E.Coli	MPN/g ISO16649 – 3 : 2015	-	0



7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.14. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/g	AOAC 2016 (975.55)	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.15. <i>Bacillus cereus</i> giả định, CFU/g <i>Presumptive bacillus cereus</i>	ISO 7932 : 2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.16. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/g <i>Total yeasts & moulds</i>	ISO 21527-2:2008	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than
7.17. <i>Clostridium perfringens</i> , CFU/g	ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 10 ^(*) Less than

Ghi chú/Notes: (*): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.